

Bản án số: 05/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 22 – 01 - 2026

“V/v: Không công nhận quan hệ như vợ, chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và bà H’ Jel Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ như vợ, chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1971, có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1968, vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Nguyễn Thị T) và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai người chung sống hòa thuận cho đến thời gian gần đây thì giữa bà với ông H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai người đã chấm dứt cuộc sống chung. Vì vậy, hiện nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Văn H là vợ, chồng.

Về con chung: Bà và H có 04 con chung là Nguyễn Nghi H1 (sinh ngày 03/11/1995), Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 14/8/1997), Nguyễn Văn T2 (sinh ngày 23/02/1999) và Nguyễn Thị Mai D (sinh ngày 01/01/2004). Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

Về phân chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắc Lắc tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; các Điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Giải quyết cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H không còn quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 04 con chung là Nguyễn Nghi H1 (sinh ngày 03/11/1995), Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 14/8/1997), Nguyễn Văn T2 (sinh ngày 23/02/1999) và Nguyễn Thị Mai D (sinh ngày 01/01/2004). Các con chung đều phát triển bình thường, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay hai người đang cư trú tại xã D, tỉnh Đắc Lắc. Do phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông H là vợ, chồng. Như vậy, tranh chấp giữa bà T và ông H là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắc Lắc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay hai người đã không còn sống chung, bà T có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông H. Xét tình cảm giữa bà T và ông H không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và

khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà T và ông H là vợ, chồng.

- Về con chung: Bà T và ông H có 04 con chung là Nguyễn Nghi H1 (sinh ngày 03/11/1995), Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 14/8/1997), Nguyễn Văn T2 (sinh ngày 23/02/1999) và Nguyễn Thị Mai D (sinh ngày 01/01/2004). Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi con.

- Về phân chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ, chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0001947 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN